

Bản án số: 262/2024/DS - PT

Ngày: 21-8-2024

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu huỷ quyết định cá biệt*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tôn**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Tấn Long.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông **Trần Việt Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 98/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho nhà, đất vô hiệu*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1544/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Phan M**, sinh năm 1926, địa chỉ: **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Gia H**; địa chỉ: **I N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Thị Trà M1, Công ty L1**; địa chỉ: **I N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- *Bị đơn:* bà **Phan Thị H1** và ông **Nguyễn Ngọc T**; cùng địa chỉ: **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Bà Phan Thị H2; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa thiên Huế.
- + Ông Phan C; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Ông Phan M2; địa chỉ: 1 khu phố C, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.
- + Ông Phan D; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan N; sinh năm 1974; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan Thị S, sinh năm 1976; địa chỉ: 1 đường S, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Bà Phan Thị N1, sinh năm 1978; địa chỉ: I TalinTyre Rd Sunshine Wet Vic Meil B, Australia.
- + Bà Phan Thị T1, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan Thị Bé L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Ông Phan C1, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Ông Phan T2, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan Thị Thanh N2, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Trần Thị C2, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan Thị H3, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan Thị N3, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Bà Phan Thị N2, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Ông Phan Văn S1, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ông **Phan B**, sinh năm 1986; địa chỉ: **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

+ Bà **Phan Thị H4**, sinh năm 1989; địa chỉ: **A H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

+ Ông **Phan K**, sinh năm 1964; địa chỉ: **B YARALLA CRES SUNSHINE VIC C, AUSTRALIA**.

+ Ông **Nguyễn Văn N4 (NHAN V.NGUYEN)**, sinh năm 1960; địa chỉ liên hệ: **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Hiện đang định cư tại Hoa Kỳ.

+ Bà **Trần Thị H5**; địa chỉ liên hệ: **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Hiện đang định cư tại Hoa Kỳ.

+ Ông **Phan T3**, sinh năm 1985; địa chỉ: **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

+ Bà **Nguyễn Thị H6**; địa chỉ: **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

+ Ủy ban nhân dân xã **V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2022; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 21/4/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Phan M và người đại diện theo ủy quyền là bà **Nguyễn Thị Gia H** trình bày:**

Năm 2001, vợ chồng ông bà **Phan M, Lê Thị B1** có nhờ vợ chồng con trai là ông **Phan D** và bà **Nguyễn Thị H6** mua giúp 02 thửa đất liền kề nhau tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**, gồm: thửa đất số 849, diện tích 195m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông **Nguyễn B2** và bà **Hoàng Thị X** và một phần diện tích đất khoảng 84m² thuộc thửa đất số 848, diện tích 175m² (nay là thửa đất số 938) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông **Nguyễn Văn N5** và bà **Mai Thị C3**. Do thủ tục hành chính phức tạp, tuổi già, sức yếu nên vợ chồng ông **M** nhờ vợ chồng ông **D** và bà **H6** đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 849. Ông **D**, bà **H6** đã đăng ký biến động chủ sử dụng đất kế tiếp theo Quyết định số 453 ngày 26/6/2001 của **UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Năm 2003, vợ chồng ông **M** đã xây dựng trên 02 thửa đất liền kề này 01 ngôi nhà 02 tầng, kết cấu bê tông cốt thép kiên cố, diện tích khoảng 180m² (dài 18m x ngang 10m) để ở và làm nơi thờ tự. Năm 2006, khi chưa kịp làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông **M**, bà **B1** thì bà **B1** chết. Đến năm 2008, vợ chồng ông **D**, bà **H6** sang tên thửa đất số 849 nói trên cho ông **Phan M** và ông **M** đã đăng ký biến động sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 849. Còn thửa đất 848 (nay là thửa số 938) thì chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động.

Năm 2010, vợ chồng bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T hỏi mượn ông Phan M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 849 nói trên để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động nước ngoài, khi nào hết hạn về nước thì trả lại cho ông M. Sau đó, bà H1, ông T dẫn ông M ra UBND xã V, huyện P ký giấy tờ cho mượn đất. Sau khi về nước, ông Phan M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H1, ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà H1, ông T vẫn khất hẹn, không chịu trả. Đến cuối năm 2021, bà H1 và ông T tuyên bố thửa đất số 849 nói trên đã được ông Mai t cho bà H1 và ông T theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Phan M và bên nhận tặng cho là bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T đã được UBND xã V, huyện P chứng thực ngày 13/4/2010 nên đó là tài sản của bà H1, ông T. Sau đó, vợ chồng ông T, bà H1 đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thế chấp tại Ngân hàng để vay vốn tại Ngân hàng.

Đến lúc này, ông Phan M mới biết ông đã bị lừa dối, lợi dụng sự tin tưởng và thiếu hiểu biết, ông M không biết đọc, biết viết nên bà H1 và ông T đã cho ông M ký vào hợp đồng tặng cho nhà, đất.

Do đó, ông Phan M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho nhà, đất giữa bên tặng cho là ông Phan M và bên nhận tặng cho là bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T do UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng thực ngày 13/4/2010 vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, buộc vợ chồng bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T trả lại nhà, đất và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho ông Phan M.

Bị đơn bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà Phan Thị H1 và ông Nguyễn Ngọc T là con gái, con rể của ông Phan M. Bà H1 và ông T không hề có hành vi lừa dối ông Phan M để ông phải ký tên (điểm chỉ) trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà, đất đối với thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại thời điểm ký hợp đồng (năm 2010), ông Phan M hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt và đủ nhận thức về hành vi của mình. Việc ông Phan Mai t1 cho nhà, đất lại cho vợ chồng bà H1, ông T cũng là chủ ý của ông Mai s khi đã họp gia đình.

Năm 2008, ông Phan M thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền quyền sử dụng nhà, đất từ vợ chồng ông D, bà H6 và sau đó thực hiện thủ tục tặng cho nhà, đất lại cho vợ chồng bà H1, ông T, các thủ tục trên ông M đã được thực hiện lại nhiều lần nên không có việc ông M không biết để bà H1, ông T có thể lừa dối ông M. Hơn nữa, trước khi tặng cho nhà đất, ông M đã có mở cuộc họp gia đình, những người ở xa cũng đều biết về sự việc là ông Phan M sẽ tặng nhà, đất cho vợ

chồng bà H1, ông T. Về chữ ký trong hợp đồng tặng cho, ông T và bà H1 đều xác nhận chữ ký trong hợp đồng là của bà Phan Thị H1 nhưng bà H1 không biết chữ.

Tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng nhà và đất, ông Phan M là chủ sở hữu hợp pháp, có toàn quyền quyết định đối với nhà, đất nêu trên. Việc ông Phan M đã tặng nhà, đất cho vợ chồng ông đã được UBND xã xác nhận và Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện P thực hiện thủ tục đăng ký biến động, đổi tên sang chủ. Các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật, phù hợp với ý chí, nguyện vọng và tôn trọng quyền định đoạt của ông M. Vợ chồng bà H1 và ông T thế chấp thửa đất để vay vốn Ngân hàng nhưng hiện nay đã trả hết nợ và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên.

Nay ông Phan M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà, đất vô hiệu thì ông T và bà H1 không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N4 và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị H7 trình bày:

Về nguồn gốc nhà và đất tranh chấp tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là do vợ chồng ông Nguyễn Văn N4 và bà Trần Thị H5 (con gái ông M) gửi tiền về nhờ vợ chồng ông D và bà H6 mua đất, xây nhà, do ông N4 và bà H5 là người nước ngoài không đủ điều kiện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N4 có nguyện vọng xây nhà để cho bố mẹ là ông Phan M, bà Lê Thị B1 ở; nếu sau bố mẹ chết thì phần nhà và đất trên sẽ được sử dụng vào mục đích thờ cúng. Việc xây dựng nhà được tiến hành trong khoảng 06 tháng, các thiết bị gia dụng trong nhà đều do ông N4 trực tiếp mang từ Hoa Kỳ về. Sau khi hoàn thiện nhà, ông N4 quay trở lại Hoa Kỳ, để lại nhà đất trên cho bố mẹ và các anh em trong gia đình. Năm 2008, do có một số bất đồng với vợ chồng ông Phan D, bà Nguyễn Thị H6 nên ông đề nghị ông D và bà H6 sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi với thửa đất số 849 cho ông Phan M.

Năm 2010, ông N4 và vợ có mong muốn xây lăng cho mẹ vợ là bà B1 nhưng vợ chồng ông D, bà H6 ngăn cản vì cho rằng vợ chồng ông N4, bà H5 còn nợ tiền của vợ chồng họ. Sau khi được sự nhất trí của vợ chồng ông N4, bà H5 là người đã chi tiền để mua đất, xây nhà, ông M đã họp gia đình và thống nhất tặng nhà, đất cho vợ chồng bà H7, ông T để thực hiện thủ tục thế chấp vay ngân hàng, lấy tiền trả nợ cho vợ chồng ông D, bà H6. Do ông M đã lớn tuổi nên không thể thực hiện thủ tục vay vốn ngân hàng. Việc tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 849 trên giữa ông M và bà H7, ông T là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Ông N4 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H5 trình bày: Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn N4, đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan M2 trình bày: Ông không rõ về nguồn gốc nhà đất tranh chấp giữa ông Phan M và bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T. Thời điểm xây nhà, vợ chồng ông Nguyễn Văn N4, bà Phan Thị H8 có gửi về số tiền 10.000 USD, nhờ ông gửi cho mẹ là bà Lê Thị B1 để xây nhà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan D, bà Nguyễn Thị H6 trình bày:

Năm 2001, vợ chồng ông, bà mua giúp bố, mẹ thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 26/6/2001, vợ chồng ông bà có thực hiện thủ tục đăng ký biến động thửa đất số 849 từ vợ chồng ông Nguyễn B2, bà Hoàng Thị Mai X1 sang cho vợ chồng ông Phan D, bà Nguyễn Thị H6. Sở dĩ ông M, bà B1 giao cho vợ chồng ông D, bà H6 đứng tên mua đất và làm thủ tục đăng ký biến động là do vợ chồng ông bà ở cùng bố mẹ từ trước đến nay, do bố mẹ già yếu, thủ tục khó khăn cho nên vợ chồng ông D, bà H6 chỉ đứng tên giúp. Năm 2003, ông M, bà B1 xây nhà trên đất (ngôi nhà 02 tầng, nằm trên 02 thửa đất, gồm thửa số 849 của vợ chồng ông M, bà B1 và thửa số 938 của vợ chồng ông D, bà H6), kết cấu bê tông cốt thép kiên cố, diện tích khoảng 180m² (dài 18m x ngang 10m) vì vợ chồng ông bà muốn để cho bố mẹ xây nhà để nhà cửa rộng rãi. Hiện nay, nhà trên đất chưa được đăng ký quyền sở hữu. Năm 2006, bà B1 chết. Đến năm 2008, vợ chồng ông Phan D, bà Nguyễn Thị H6 đã thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Phan M thửa đất số 849 để tránh anh em trong gia đình hiểu nhầm, phát sinh mâu thuẫn. Ngôi nhà được xây từ tiền tích góp của ông M, bà B1. Về việc đóng góp xây nhà của anh chị em trong gia đình thì vợ chồng ông bà chỉ biết anh chị em trong nước ở gần bố mẹ thì có đóng góp công sức, ông bà không biết việc anh chị em ở nước ngoài có gửi tiền về hay không.

Về hợp đồng tặng cho giữa ông Phan M và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, Phan Thị H1 thì các anh em trong nhà không ai biết rõ. Đến khoảng tháng 11/2021, ông M thấy vợ chồng ông T, bà H1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không trả nên mới nói với các con trong gia đình. Khi đó, những người trong gia đình mới biết về hợp đồng tặng cho nhà, đất giữa ông M và vợ chồng ông T, bà H1. Về mục đích hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông M và vợ chồng ông T, bà H1 thì vợ chồng ông D, bà H6 không rõ.

Đối với phần nhà xây dựng trên thửa đất 848 của vợ chồng ông D, bà hàng thì ông bà không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan K trình bày:

Nguyên nhà, đất tranh chấp tọa lạc tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** là của bố mẹ ông là ông **Phan M**, bà **Lê Thị B1** tạo dựng, từ nguồn tiền tiết kiệm của ông **M**, bà **B1**. Do vợ chồng ông **Phan D**, bà **Nguyễn Thị H6** sinh sống cùng với bố mẹ ông là ông **M**, bà **B1** từ trước đến nay nên đã nhờ ông **D**, bà **H6** đứng tên mua đất và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 849 trên. Việc vợ chồng bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** cho rằng nguồn gốc nhà đất trên là do vợ chồng ông **Nguyễn Văn N4**, bà **Trần Thị Hói ở Hoa K1** gửi tiền về mua đất, xây nhà là không đúng sự thật.

Để tránh phát sinh mâu thuẫn giữa anh chị em trong gia đình, ông **D** bà **H6** dự kiến làm thủ tục sang tên lại cho bố mẹ ông là ông **M**, bà **B1**, nhưng chưa kịp thực hiện thủ tục sang tên thì bà **B1** chết. Đến năm 2008, vợ chồng **D**, bà **H6** làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố ông là ông **Phan M** đối với thửa đất số 849 nói trên. Năm 2010, vợ chồng bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** muốn vay tiền tại Ngân hàng nên đã lừa dối ông **Phan M** để mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 849 để làm giấy tờ đi nước ngoài nhưng thực chất là ký kết hợp đồng tặng cho nhà, đất. Sau đó, vợ chồng bà **H1**, ông **T** làm thủ tục sang tên rồi mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền. Sự việc trên những thành viên còn lại trong gia đình không hay biết cho đến khi bà **H1**, ông **T** giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 849 và không chịu trả lại cho ông **M**. Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho nhà, đất vô hiệu. Bà **Phan Thị H1** - ông **Nguyễn Ngọc T** trả lại nhà, đất và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1, bà Phan Thị S, bà Phan Thị Thanh N2, ông Phan N, bà Trần Thị C2, ông Phan B, bà Phan Thị H3, ông Phan Văn S1, bà Phan Thị N3, bà Phan Thị H4, bà Phan Thị N2, bà Phan Thị Đ, ông Phan T2, ông Phan C1, bà Phan Thị Bé L thống nhất trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp tọa lạc tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** là của ông **Phan M** và bà **Lê Thị B1** tạo lập để làm nhà thờ. Năm 2006, bà **Lê Thị B1** chết, không để lại di chúc. Về việc mua đất, xây nhà, tiền bạc, giấy tờ như thế nào thì họ không biết cụ thể, nhưng khi ông **M**, bà **B1** xây nhà, con cháu nội, ngoại ở xung quanh đều có đến phụ giúp ông bà trong thời gian xây dựng ngôi nhà trên.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do vợ chồng ông **Nguyễn Ngọc T**, bà **Phan Thị H1** mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 849 của ông **Phan M** để làm thủ tục đi du lịch nước ngoài vào năm 2010, nhưng thực tế, đã lừa

đôi ông M khi đưa ông M đến Ủy ban nhân dân xã V làm thủ tục ký kết hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà, đất nói trên, sau đó, làm thủ tục sang tên qua cho vợ chồng ông T, bà H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông T bà H1 mang giấy chứng nhận trên thế chấp tại ngân hàng để vay tiền. Ông Phan M và tất cả con cháu trong gia đình đều không hay biết sự việc trên. Vì thấy thời gian đã lâu nhưng vợ chồng ông T bà H1 không chịu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M đòi nhưng không được nên đã họp gia đình lại thì toàn bộ sự việc mới được phát hiện.

Do vậy, ông Phan M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho nhà, đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì họ đồng ý.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã V, huyện P trình bày:

Ngày 13/4/2010, Ủy ban nhân dân xã V, huyện P có thực hiện chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Phan M và bên nhận tặng cho là ông Nguyễn Ngọc T, bà Phan Thị H1. Người thực hiện chứng thực hợp đồng đã nghỉ hưu theo quy định và Ủy ban nhân dân xã V cũng không tìm thấy hồ sơ lưu đối với hợp đồng tặng cho nêu trên. Qua xem xét hợp đồng mà Tòa án cung cấp số 16 quyển 1 được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 13/4/2010 không thể hiện người làm chứng theo quy định. Ủy ban nhân dân xã V đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Người làm chứng ông Lê Đồng C4 trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tranh chấp tại thửa đất số 849, diện tích 195m², địa chỉ thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là do vào năm 2001, ông Nguyễn Văn N4 và bà Trần Thị Hóí ở Hoa Kỳ gửi tiền về mua đất và xây nhà ở. Ông không rõ về việc ai là người đứng tên mua đất nhưng trong quá trình khởi công xây dựng nhà, ông Nguyễn Văn Nhân t2 Hoa Kỳ về Việt Nam nhờ ông C4 ra để trông coi công trình xây dựng nhà ở. Do thời gian xây dựng nhà tương đối lâu nên ông N4 nhiều lần bay sang Hoa Kỳ và trở về Việt Nam. Ông C4 đã ở tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để trông coi công trình xây dựng trong khoảng thời gian 03 tháng cho đến khi ngôi nhà tương đối hoàn thiện phần thô.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan T3 trình bày:

Ông Phan T3 là cháu nội của ông Phan M. Khoảng từ năm 2020 đến 2021, ông M đồng ý cho ông T3 xây dựng 01 ki-ốt trên một phần thửa đất số 849, diện tích 195m², địa chỉ thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để kinh doanh, chi phí xây dựng khoảng gần 70.000.000 đồng (trong đó phần nằm phía trong thửa đất diện tích 5,8m x 2,9m, giá trị 30 triệu đồng; phần nằm phía ngoài, 4 mặt là cửa kéo, kết hợp mái tôn, khung sắt, diện tích 3,4m x 2,7m, giá trị 40 triệu đồng). Nay ông Phan M khởi kiện, nếu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn,

ông không có yêu cầu bồi thường. Nếu Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, ông **T3** yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề bồi thường đối với phần trong của ki-ốt trên thửa đất trị giá 30 triệu đồng.

Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 08/01/2024 của ông Phan M: Ông **M** đề nghị trong trường hợp Toà án tuyên hợp đồng tặng cho vô hiệu, ông **M** sẽ bồi thường giá trị phần ki-ốt của ông **Phan T3** trong thửa đất tranh chấp theo đúng giá trị Toà án đã định giá ngày 05/12/2023 là 30 triệu đồng và ông **Phan T3** phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng của ông **T3** nằm trong thửa đất của ông **M**, trả lại nguyên hiện trạng thửa đất. Về phần công trình ki-ốt nằm ngoài khuôn khổ thửa đất, ông **M** không có ý kiến gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị nguyên đơn trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 122, Điều 124, Điều 126, Điều 127, Điều 137, Điều 217, Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 91 Luật Nhà ở 2005; khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 quy định về công chứng, chứng thực; Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan M**.

1. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** giữa bên tặng cho là ông **Phan M** và bên nhận tặng cho là bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** đã được **UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** chứng thực ngày 13/4/2010 vô hiệu.

2. Buộc bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** phải trả cho ông **Phan M** và những người thừa kế của bà **Lê Thị B1** thửa đất số 849, diện tích 195m² và 01 ngôi nhà 2 tầng; kết cấu móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sàn tầng 1, sàn tầng 2 đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch men, cầu thang gỗ. Diện tích tầng một 145,9 m², diện tích tầng hai 191,0 m² trên thửa đất số 849 và 01 phần thửa đất số

848, tờ bản đồ số 2 mang tên ông Phan D và bà Nguyễn Thị H6 tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có bản vẽ kèm theo).

3. Về quyền lưu cư: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Phan Thị H1 được quyền lưu cư tại nhà, đất tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Phan Thị H1 phải trả lại cho ông Phan M và những người thừa kế của bà Lê Thị B1 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 9917769 ngày 17/01/2000 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B2 và bà Hoàng Thị X1 và đã được đăng ký biến động sang cho ông Phan D và bà Nguyễn Thị H6 ngày 26/6/2001, đăng ký biến động tên ông Phan M ngày 28/8/2008, đăng ký biến động tên ông Nguyễn Ngọc T và bà Phan Thị H1 ngày 21/4/2010,

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động tài sản với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Buộc ông Phan T3 phải tháo dỡ phần ki-ốt có diện tích 16,82m² (5,8 m x 2,9 m) nằm trong thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, trả lại nguyên hiện trạng thửa đất cho ông Phan M.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Phan M và ông Phan T3 như sau: Ông Phan M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan T3 số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2024 bị đơn là bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N4 (NHAN V.NGUYEN) kháng cáo có cùng nội dung, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông M, công nhận hợp đồng tặng cho hợp pháp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N4 (NHAN V.NGUYEN), giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: **Nguyễn Văn N4**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án cũng như đơn kháng cáo ông đều khai theo địa chỉ liên hệ **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**, dù đã được triệu tập hợp lệ lần 3 nhưng ông vẫn vắng mặt, mặt khác nội dung kháng cáo có cùng quan điểm với bị đơn **Phan Thị H1** và ông **Nguyễn Ngọc T** nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật

[2] Xét kháng cáo bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn N4** thì thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** là do vợ chồng ông **Phan M**, bà **Lê Thị B1** nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông **Nguyễn B2** và bà **Hoàng Thị X1** nhưng nhờ vợ chồng con trai ông **Phan D** và bà **Nguyễn Thị H6** lập thủ tục đăng ký biến động chủ sử dụng đất, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất viết tắt (GCNQSDĐ) thửa đất số 849, Quyết định số 453 ngày 26/6/2001 của **UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Năm 2003, vợ chồng ông **M**, bà **B1** xây dựng ngôi nhà cấp 3 có kết cấu bê tông cốt thép, diện tích tầng một là 145,9 m², tầng hai là 191 m². Năm 2006, bà **Lê Thị B1** chết, không để lại di chúc. Năm 2008, vợ chồng ông **D**, bà **H6** thực hiện thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 849 lại cho ông **Phan M**.

[2.1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn N4**, bà **Trần Thị H5**, ông **Phan M2** cho rằng nhà, đất nêu trên là của vợ chồng ông **N4** ở nước ngoài gửi tiền về nhờ vợ chồng ông **D** mua đất xây nhà, (không có tài liệu gì chứng minh ngoài lời khai) nhưng ông **Phan M** và những người trong gia đình không đồng tình ý kiến này. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cũng như đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Ông **N4** và bà **H5** cũng xác định, không có yêu cầu kiện đòi nhà mà chỉ yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông **Phan M** và đề nghị công nhận hợp đồng ngày 13/4/2010, giữa ông **Phan M** và bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** được **UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** chứng thực là hợp pháp có hiệu lực.

Theo nhiều tài liệu có tại hồ sơ vụ án, vợ chồng ông **T** bà **H1** đều thừa nhận: “Nhà này không phải của bố tôi, hoặc của tôi” mà thật sự là của em gái vợ chồng ông. Vợ chồng tôi chỉ đứng tên vay vốn trả nợ cho em gái **Nguyễn Văn N4**, bà

Trần Thị Hói . Như vậy, có căn cứ để khẳng định nguồn gốc ngôi nhà và đất nêu trên không phải của bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T**.

[2.2] Xét trình tự, thủ tục chứng thực hợp đồng thấy rằng: Các bên đương sự thừa nhận bên tặng cho ông **Phan M** và bên nhận tặng cho bà **Phan Thị H1** không biết chữ. Tuy nhiên, khi chứng thực hợp đồng không có người làm chứng là không đảm bảo quy định về chứng thực hợp đồng, vi phạm quy định về hình thức hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật nhà ở 2005 quy định về điều kiện của nhà ở tham gia giao dịch là phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà ở theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm chứng thực hợp đồng, nhà ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Hơn nữa nguồn gốc nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng ông **M** và bà **B1**, nhưng không có ý kiến đồng ý của những người thừa kế theo pháp luật của bà **B1** là đã xâm phạm quyền lợi của họ.

Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định đánh giá khách quan, áp dụng đúng các quy định pháp luật và khẳng định. Hợp đồng tặng cho nhà, đất vi phạm điều cấm của pháp luật, vi phạm Điều 122, 124, 127, 128, 217, 689 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của Ông **Phan M**, tuyên bố hợp đồng tặng cho nhà, đất giữa ông **Phan M** với ông **Nguyễn Ngọc T**, bà **Phan Thị H1** chứng thực ngày 13/4/2010 vô hiệu là có căn cứ.

[3] Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định và tuyên xử, đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 9917769 ngày 17/01/2000 được Ủy ban nhân dân huyện **P** cấp cho ông **Nguyễn B2** và bà **Hoàng Thị X1** và đã được đăng ký biến động sang cho ông **Phan D** và bà **Nguyễn Thị H6** ngày 26/6/2001, đăng ký biến động tên ông **Phan M** ngày 28/8/2008 đăng ký biến động tên ông **Nguyễn Ngọc T** và bà **Phan Thị H1** ngày 21/4/2010, ông **T** và bà **H1** thế chấp vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện **P** nhưng theo trả lời của Ngân hàng **H9** đã tắt toán khoản nợ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trả cho ông **T** và bà **H1**, nên buộc ông **T** và bà **H1** phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông **Phan M** và những người thừa kế của bà **Lê Thị B1** theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ nhưng chưa đầy đủ.

Vì vậy, cần điều chỉnh bổ sung, Hủy đăng ký biến động tên ông **Nguyễn Ngọc T** và bà **Phan Thị H1** ngày 21/4/2010. Ông **Phan M** và những người thừa kế của bà **Lê Thị B1** có quyền đăng ký biến động tài sản với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** và ông **Nguyễn Văn N4** mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000161, 0000162 và 0000163 cùng ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 2 Điều 308; 314 BLTTDS; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Văn N4**.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 122, Điều 124, Điều 126, Điều 127, Điều 137, Điều 217, Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 91 Luật Nhà ở 2005; khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 quy định về công chứng, chứng thực; Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan M**.

1. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** giữa bên tặng cho là ông **Phan M** và bên nhận tặng cho là bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** đã được **UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** chứng thực ngày 13/4/2010 vô hiệu.

2. Buộc bà **Phan Thị H1**, ông **Nguyễn Ngọc T** phải trả cho ông **Phan M** và những người thừa kế của bà **Lê Thị B1** thửa đất số 849, diện tích 195m² và 01 ngôi nhà 2 tầng; kết cấu móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sàn tầng 1, sàn tầng 2 đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch men, cầu thang gỗ. Diện tích tầng một 145,9 m², diện tích tầng hai 191,0 m² trên thửa đất số 849 và 01 phần thửa đất số 848, tờ bản đồ số 2 mang tên ông **Phan D** và bà **Nguyễn Thị H6** tọa lạc tại **thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. (có bản vẽ kèm theo).

3. Về quyền lưu cư: Ông **Nguyễn Ngọc T** và bà **Phan Thị H1** được quyền lưu cư tại nhà, đất tại thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại **thôn H, xã V,**

huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Phan Thị H1 phải trả lại cho ông Phan M và những người thừa kế của bà Lê Thị B1 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 9917769 ngày 17/01/2000 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B2 và bà Hoàng Thị X1 và đã được đăng ký biến động sang cho ông Phan D và bà Nguyễn Thị H6 ngày 26/6/2001, đăng ký biến động tên ông Phan M ngày 28/8/2008. Hủy đăng ký biến động tên ông Nguyễn Ngọc T và bà Phan Thị H1 ngày 21/4/2010, ông Phan M và những người thừa kế của bà Lê Thị B1 có quyền đăng ký biến động tài sản với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Buộc ông Phan T3 phải tháo dỡ phần ki-ốt có diện tích 16,82m² (5,8 m x 2,9 m) nằm trong thửa đất số 849, diện tích 195m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, trả lại nguyên hiện trạng thửa đất cho ông Phan M.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Phan M và ông Phan T3 như sau: Ông Phan M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan T3 số tiền 30.000.000 đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự Phan Thị H1, ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000161, 0000162 và 0000163 cùng ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn

